

Đơn vị: Chi cục quản lý đất đai  
Chương: 426

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Chi cục quản lý đất đai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2020 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                  | Dự toán năm | Ước thực hiện quý IV năm 2020 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện của quý IV so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|-----------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                         | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                           |
| A     | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>        |             |                               |                                     |                                                             |
| I     | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                 | 228         | 71,11                         | 31,19                               | 129,20                                                      |
| 2     | <b>Phí</b>                                                | 228         | 71,11                         | 31,19                               | 129,20                                                      |
| -     | Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 200         | 54                            | 27,00                               | 109,09                                                      |
| -     | Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ            | 28          | 17,11                         | 61,11                               | 308,84                                                      |
| II    | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                   | 99,6        | 33,58                         | 33,71                               | 141,81                                                      |
| 1     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                             | 99,6        | 33,58                         | 33,71                               | 141,81                                                      |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                          | 59,76       | 20,15                         | 33,71                               | 141,81                                                      |
|       | Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 48          | 12,96                         | 27,00                               | 109,09                                                      |
|       | Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ            | 11,76       | 7,19                          | 61,11                               | 308,84                                                      |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                    | 39,84       | 13,43                         | 33,71                               | 141,81                                                      |
|       | Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 32          | 8,64                          | 27,00                               | 109,09                                                      |

| Số TT      | Nội dung                                                                | Dự toán năm     | Ước thực hiện quý IV năm 2020 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện của quý IV so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                                       | 3               | 4                             | 5                                   | 6                                                           |
|            | Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ                          | 7,84            | 4,79                          | 61,11                               | 308,84                                                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                            | <b>128,40</b>   | <b>37,53</b>                  | <b>29,23</b>                        | <b>119,68</b>                                               |
| 2          | Phí                                                                     | 128,40          | 37,53                         | 29,23                               | 119,68                                                      |
| -          | Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất               | 120,00          | 32,40                         | 27,00                               | 109,09                                                      |
|            | Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ                          | 8,40            | 5,13                          | 61,11                               | 308,84                                                      |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                   | <b>5.269,00</b> | <b>1.277,65</b>               | <b>24,25</b>                        | <b>73,83</b>                                                |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                       | <b>5.269,00</b> | <b>1.277,65</b>               | <b>24,25</b>                        | <b>73,83</b>                                                |
| 1          | Chi quản lý hành chính                                                  | 4.509,00        | 1.233,77                      | 27,36                               | 71,29                                                       |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                        | 2.231,50        | 502,12                        | 22,50                               | 97,86                                                       |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                  | 2.277,50        | 731,65                        | 32,13                               | 60,10                                                       |
| 3          | Chi hoạt động kinh tế                                                   | 675,00          | 4,88                          | 0,72                                | -                                                           |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                          | 675,00          | 4,88                          | 0,72                                | -                                                           |
| 4          | Sử dụng nguồn CCTL và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên | 85              | 39                            | 45,88                               | 38                                                          |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                        | 46              |                               |                                     |                                                             |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                  | 39,00           | 39,00                         | 100,00                              | 78,00                                                       |

Bình Định, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Người lập

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Dương Anh Vũ

